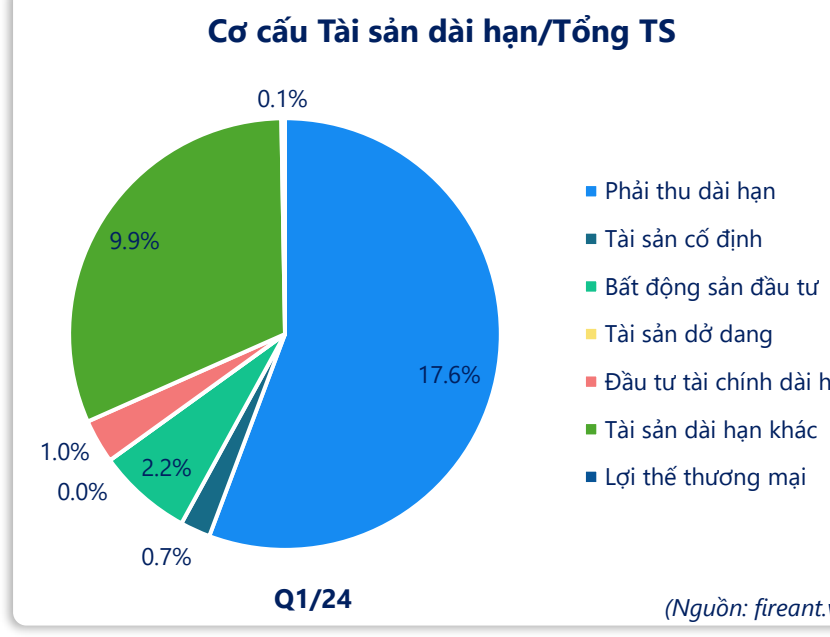
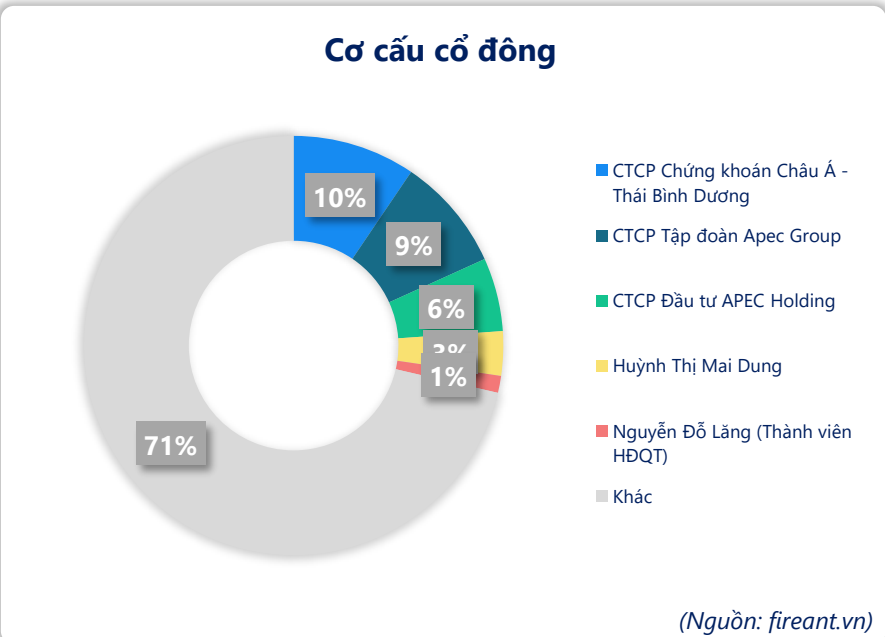
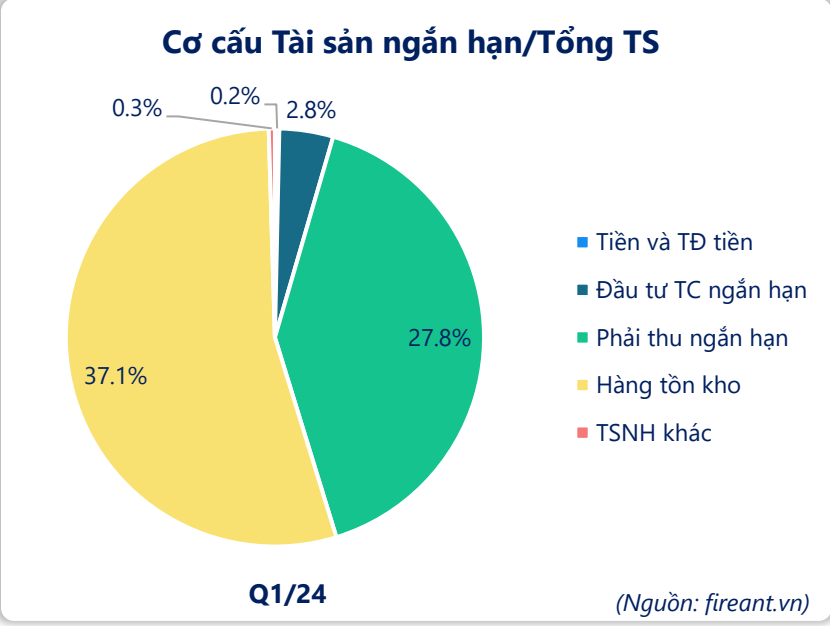
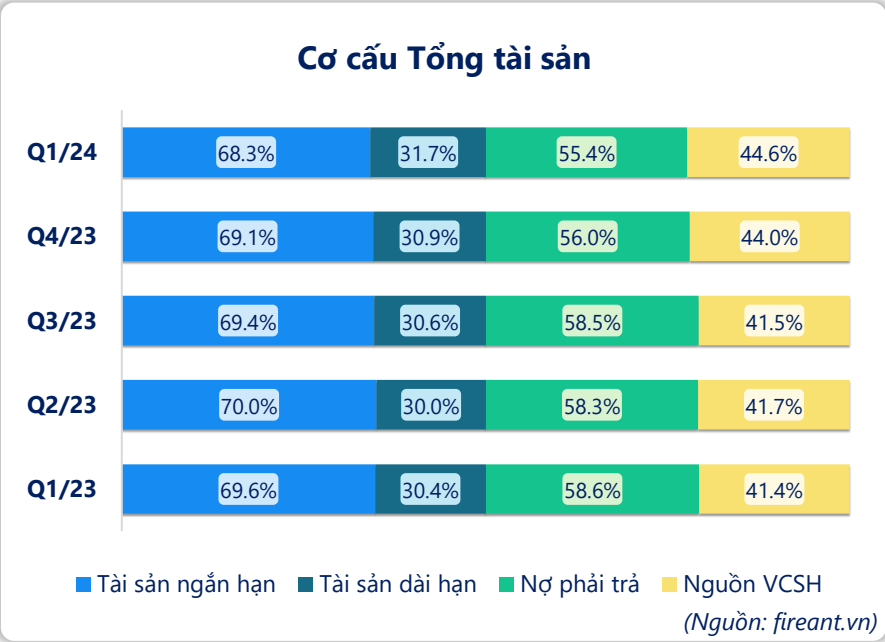
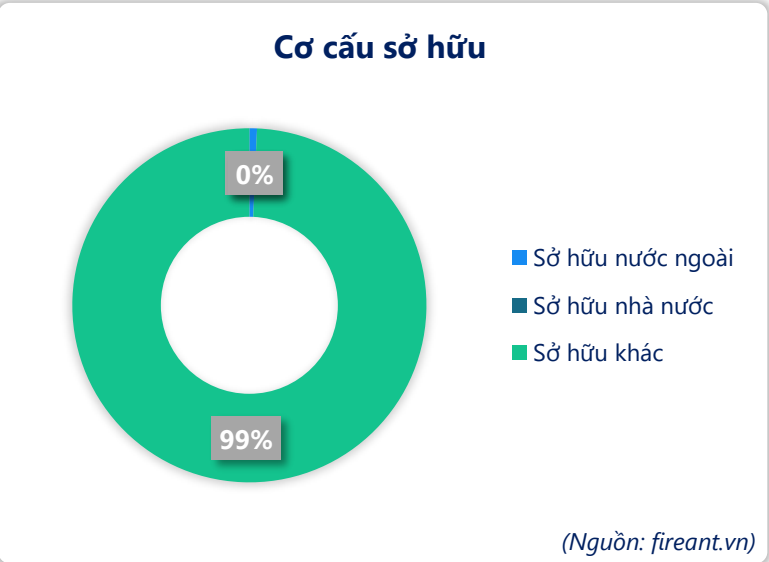
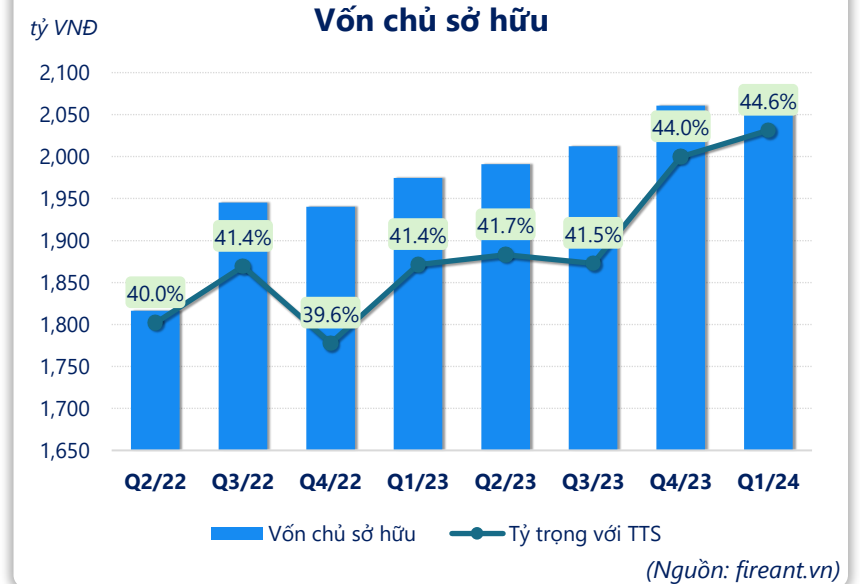
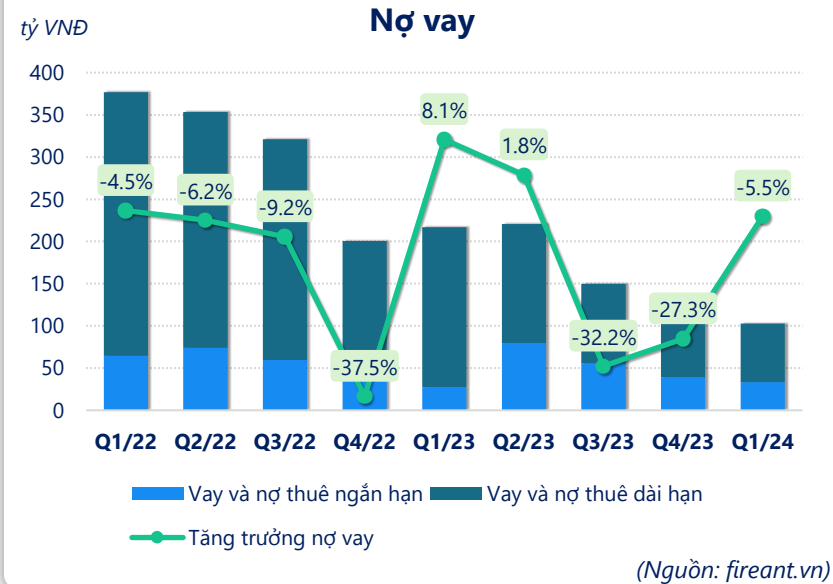
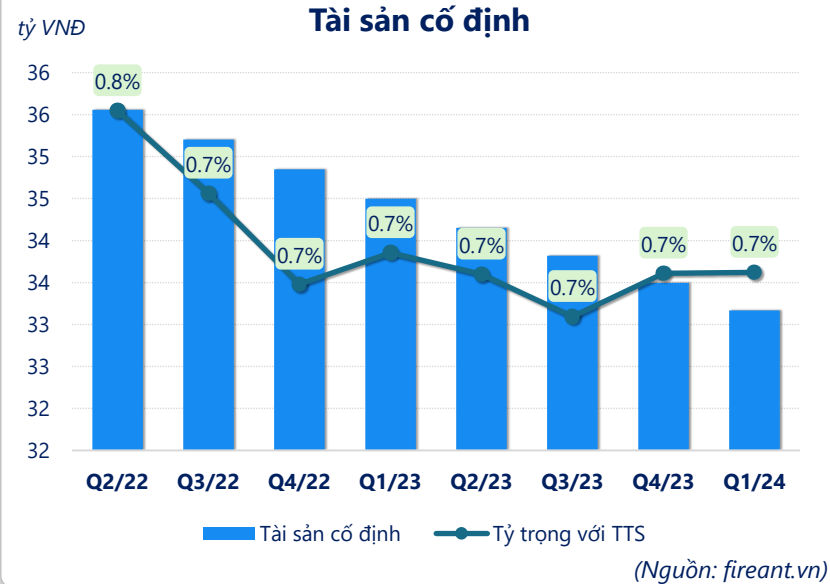
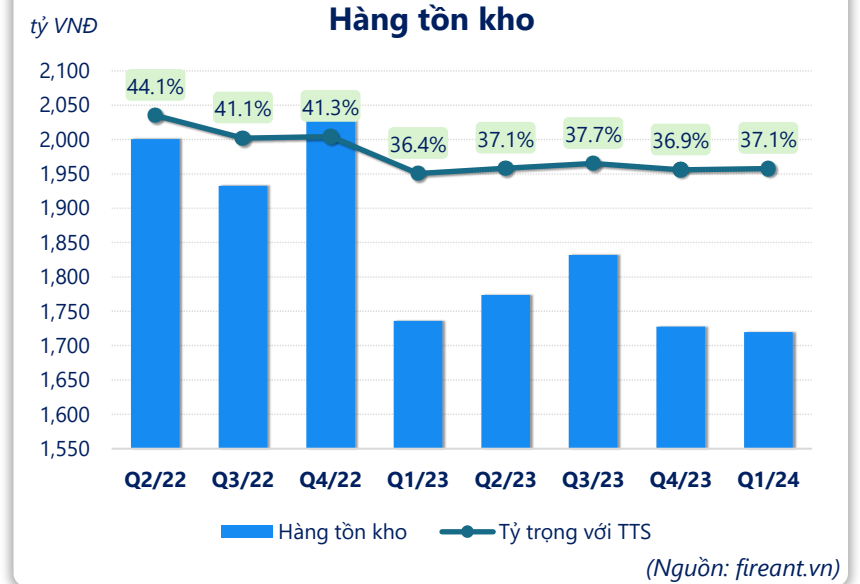
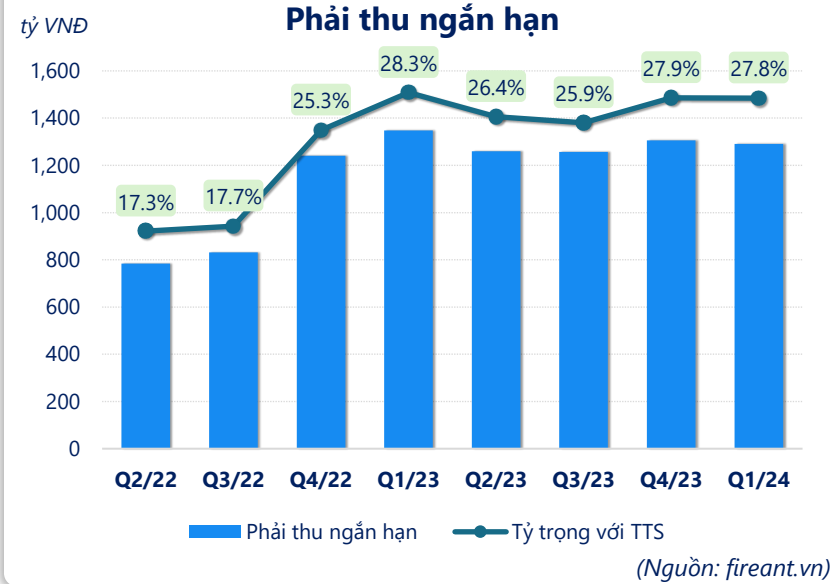
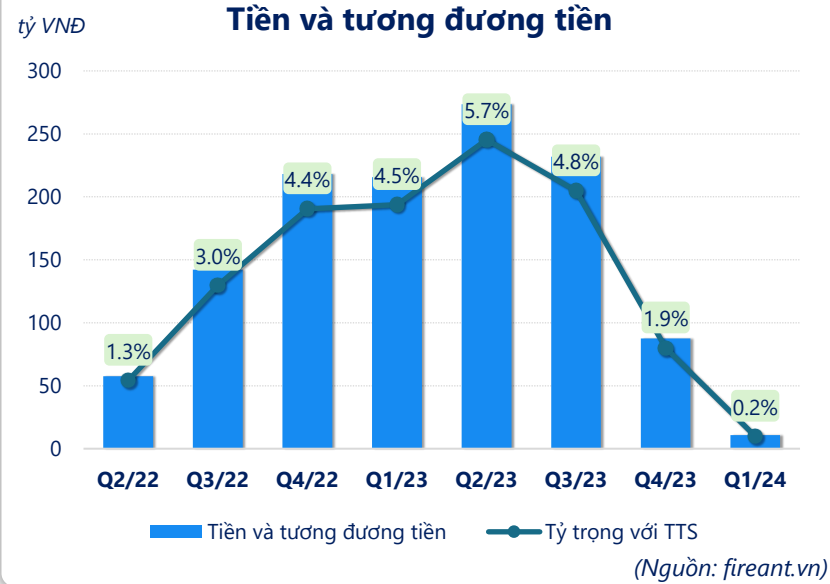
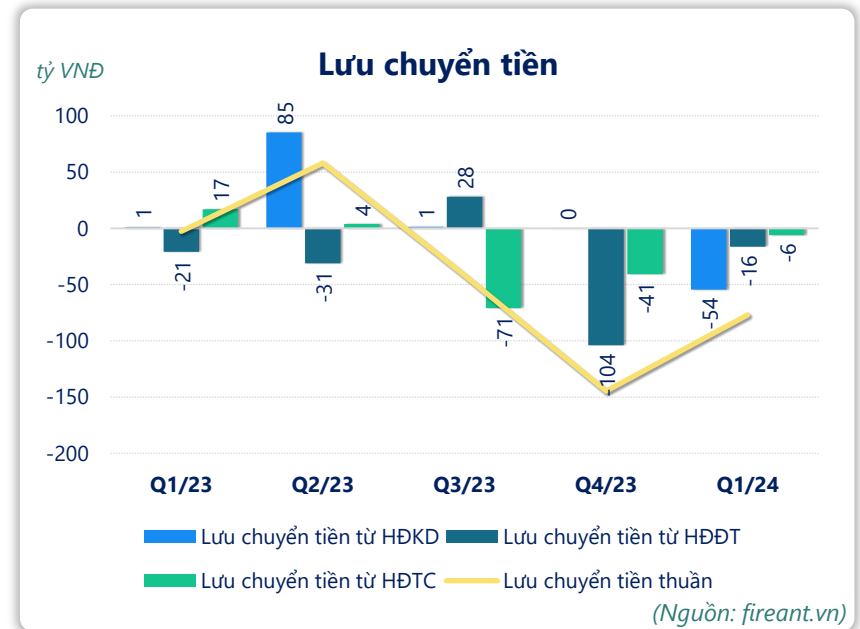
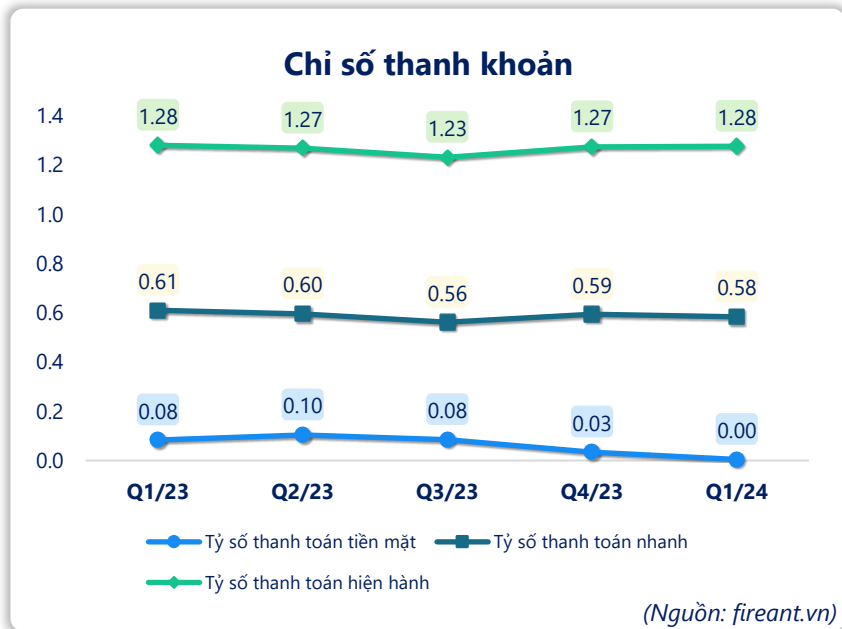
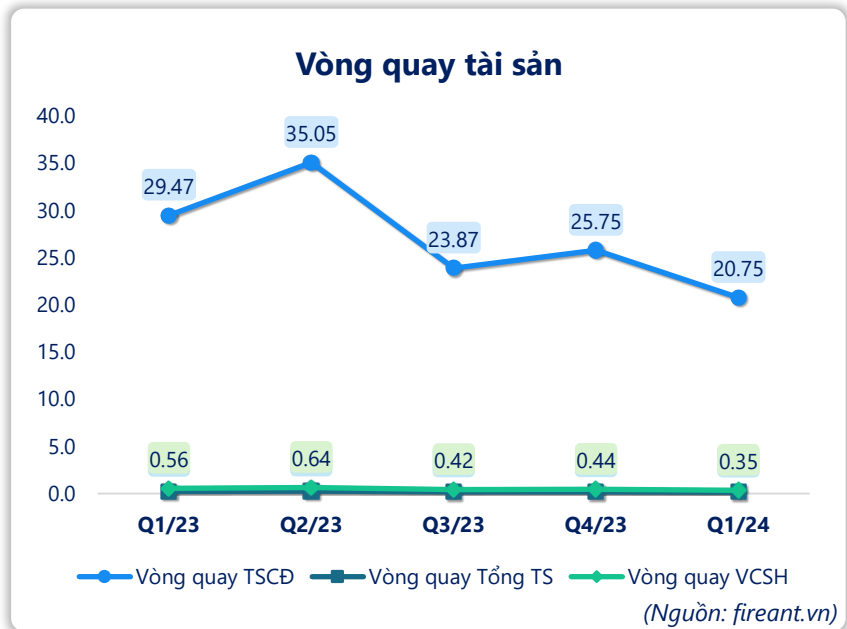
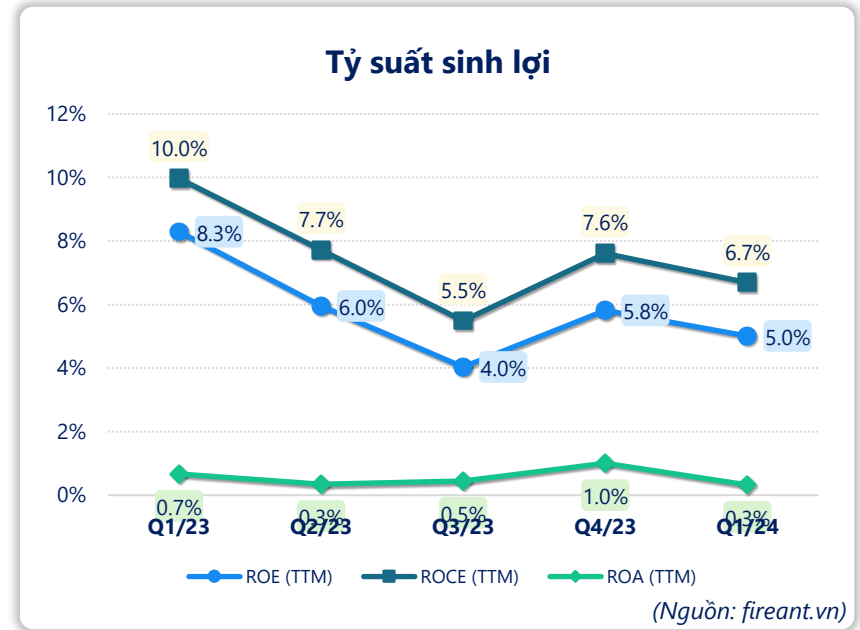
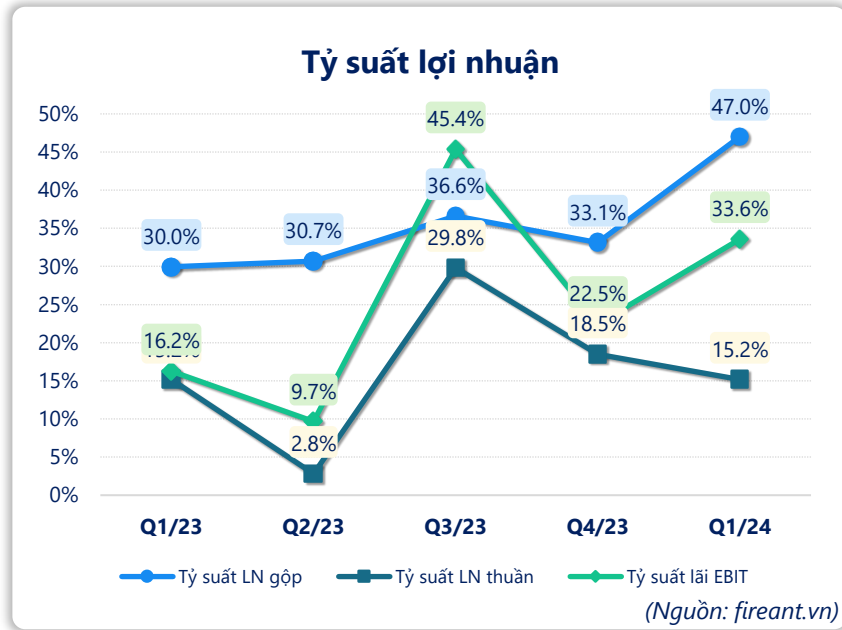
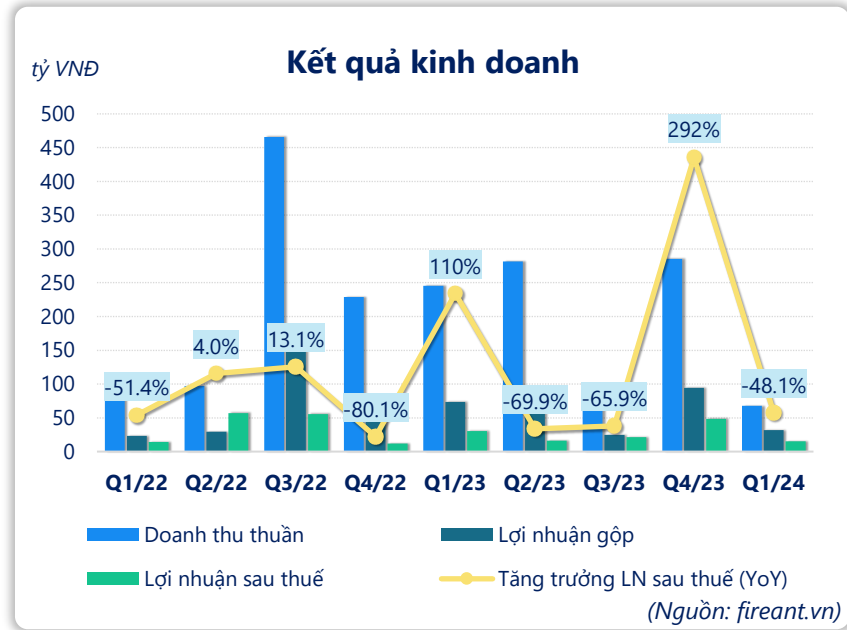


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		6,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,200
SL cổ phiếu LH		173,490,193
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,829,475
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,076
P/E		10.6
EPS		584

	YTD	1T	3T	6T
IDJ	0.0%	3.3%	0.0%	1.6%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	4,636	4,684	-1.0%
Tài sản ngắn hạn	3,168	3,235	-2.1%
Tiền và tương đương tiền	10.7	87.4	-87.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	132	106	24.2%
Phải thu ngắn hạn	1,291	1,304	-1.0%
Hàng tồn kho	1,720	1,728	-0.5%
Tài sản ngắn hạn khác	15.0	9.82	53.0%
Tài sản dài hạn	1,468	1,449	1.3%
Phải thu dài hạn	818	826	-1.0%
Tài sản cố định	33.2	33.5	-1.0%
Bất động sản đầu tư	104	105	-0.7%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	48.4	48.4	0.0%
Tài sản dài hạn khác	461	431	6.8%
Lợi thế thương mại	3.99	4.50	-11.5%
Nợ phải trả	2,567	2,630	-2.4%
Nợ ngắn hạn	2,483	2,544	-2.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	33.3	39.0	-14.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	413	437	-5.6%
Nợ dài hạn	84.2	85.9	-2.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	69.6	69.8	-0.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,069	2,054	0.7%
Vốn chủ sở hữu	2,069	2,054	0.7%
Vốn điều lệ	1,735	1,735	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	246	281	67.9	285	67.7
Giá vốn hàng bán	172	195	43.0	191	35.9
Lợi nhuận gộp	73.6	86.4	24.8	94.4	31.8
Doanh thu HĐTC	11.6	12.4	12.8	12.2	0.77
Chi phí TC	1.95	22.1	4.21	8.81	6.59
Chi phí lãi vay	1.91	6.75	3.66	3.44	3.51
LN trong công ty LKLD	0	0.03	0	0	0
Chi phí bán hàng	35.6	57.7	4.88	31.7	8.56
Chi phí QLDN	10.4	11.2	8.37	13.4	7.19
LN thuần từ HĐKD	37.3	7.90	20.2	52.7	10.3
Lợi nhuận khác	0.73	12.5	6.89	7.91	8.97
LN trước thuế	38.0	20.4	27.1	60.6	19.2
Lợi nhuận sau thuế	30.3	16.3	21.6	48.3	15.2
LNST của CĐ cty mẹ	30.3	16.2	21.6	48.3	15.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.14	85.1	1.41	0.19	-54.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-20.8	-31.0	27.9	-104	-16.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	16.9	3.94	-71.0	-40.9	-5.98
Tiền đầu kỳ	218	216	274	232	87.4
Lưu chuyển tiền thuần	-2.82	58.0	-41.6	-145	-76.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	216	274	232	87.4	10.7

(Nguồn: fireant.vn)